

Vai trò của hệ thống tài chính Việt Nam đối với tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2020

Trương Văn Phước¹

¹ Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia.
Email:truongphusa@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 7 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 8 năm 2017.

Tóm tắt: Nghị quyết số 142/2016/QH13 của Quốc hội khóa XIII đã đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cho giai đoạn 2016-2020 đạt mức từ 6,5%-7%. Trong bối cảnh thế giới có nhiều bất định, tình hình trong nước còn khó khăn, kết quả thực hiện của năm 2016 và nửa đầu 2017 chưa đạt như mong đợi, nhiệm vụ càng đề nặng lên các năm 2018-2020. Điều này đòi hỏi tăng trưởng kinh tế giai đoạn sau càng phải cao hơn, song cần phải bền vững. Thêm vào đó, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0 diễn ra trên phạm vi toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam lại càng phải tăng tốc để có thể bắt kịp và tận dụng đòn bẩy công nghệ vô cùng lớn lao này trong việc nâng cao chất lượng của tăng trưởng. Theo đó, hệ thống tài chính, với vai trò huyết mạch của nền kinh tế, đòi hỏi phải phát triển ở mức độ sâu hơn, hiện đại hơn, song vẫn đảm bảo tính an toàn, lành mạnh trước những biến động của thị trường tài chính toàn cầu.

Từ khóa: Hệ thống tài chính, tăng trưởng kinh tế, Việt Nam

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Resolution No. 142/2016/QH13 of the 13th National Assembly set Vietnam's economic growth target for the 2016-2020 period from 6.5% to 7%. In the context of global uncertainty and domestic difficulties, the results of 2016 and the first half of 2017 were not as expected. As a result, the tasks for the years of 2018-2020 are even heavier, which requires for higher, and stable, economic growth rates in the later stage. In addition, in the context of the industrial revolution 4.0 that is taking place globally, Vietnam's economy has to be accelerated to catch up and exploit the tremendous technological lever to improve the quality of growth. Accordingly, the financial system, as the lifeblood of the economy, needs to be developed in a deeper and more modern manner, while ensuring safety and healthiness in face of volatilities of the global financial market.

Keywords: Financial system, economic growth, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi còn nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam năm 2016 đã đạt được một số thành quả đáng ghi nhận. Ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì, lạm phát cơ bản được kiểm soát, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng cao. Kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tích cực so với các nước trong khu vực nhờ vào nỗ lực cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh trong những năm gần đây. Trong đó, hệ thống tài chính Việt Nam được đánh giá phát triển khá lành mạnh và an toàn, đảm bảo tốt chức năng cung ứng vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ tăng trưởng và khu vực doanh nghiệp đồng thời duy trì ổn định vĩ mô. Tuy nhiên, quy mô hệ thống tài chính Việt Nam vẫn nhỏ hơn các nước trong khu vực. Bài viết này phân tích vai trò của hệ thống tài chính Việt Nam trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức cao và bền trong giai đoạn 2018-2020.

2. Hệ thống tài chính Việt Nam 2015-2016

2.1. Cung ứng vốn cho nền kinh tế

Theo đánh giá của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, năm 2016, hệ thống tài chính Việt Nam tiếp tục phát triển khá lành mạnh và an toàn, đảm bảo tốt chức năng cung ứng vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ tăng trưởng và khu vực doanh nghiệp đồng thời duy trì ổn định vĩ mô. Cụ thể là, cung ứng vốn từ hệ thống tài chính tăng khoảng 21% so với năm 2015. Trong đó, khu vực ngân hàng cung ứng 68,1%; thị trường vốn cung ứng 31,9%. Tính đến cuối năm 2016, tổng nguồn vốn hệ thống tài chính cung ứng cho

nền kinh tế tương đương 181% tổng sản phẩm quốc nội (GDP).

Khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế được tăng cường là nhờ kinh tế vĩ mô ổn định, chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt, thanh khoản khu vực ngân hàng dồi dào và thị trường chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu) diễn biến tích cực. Do đó, khả năng cấp tín dụng cho nền kinh tế được tăng lên và việc huy động trái phiếu Chính phủ được thuận lợi hơn; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tích cực hơn. Huy động vốn thông qua đấu giá cổ phần cả năm tăng 43,1% so với cùng kỳ năm 2015.

Thêm vào đó, hệ thống tài chính tiếp tục thực hiện chức năng luân chuyển vốn thông suốt sang khu vực kinh tế thực, phân bổ vốn hiệu quả vào các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, hỗ trợ khu vực tư nhân - động lực chính của tăng trưởng. Đồng thời, chính sách tín dụng chủ động hạn chế dòng vốn vào khu vực phi sản xuất và những lĩnh vực hình thành bong bóng tài sản, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

2.2. Tái cơ cấu hệ thống tài chính

Quá trình tái cơ cấu hệ thống tài chính từ cuối năm 2011 góp phần lành mạnh hóa thị trường tài chính (giảm 10% số tổ chức tín dụng và 25% số công ty chứng khoán). Quá trình tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) đã có những kết quả bước đầu. Đến cuối năm 2016 đã tháo gỡ cơ bản các khó khăn của hệ thống về: tình trạng căng thẳng thanh khoản; phát hiện và khu biệt các TCTD yếu kém; tỷ lệ nợ xấu dưới 3,0% tổng dư nợ, số nợ xấu được xử lý từ năm

2013 đến nay hơn 500.000 tỷ đồng; sở hữu chéo, đầu tư chéo dần được kiểm soát; các TCTD chú trọng hơn vào quản trị rủi ro và quản trị điều hành; các văn bản quy phạm pháp luật về chuẩn mực an toàn trong hoạt động của các TCTD được ban hành. Hầu hết các khó khăn của hệ thống TCTD trước năm 2011 về cơ bản đã được tháo gỡ.

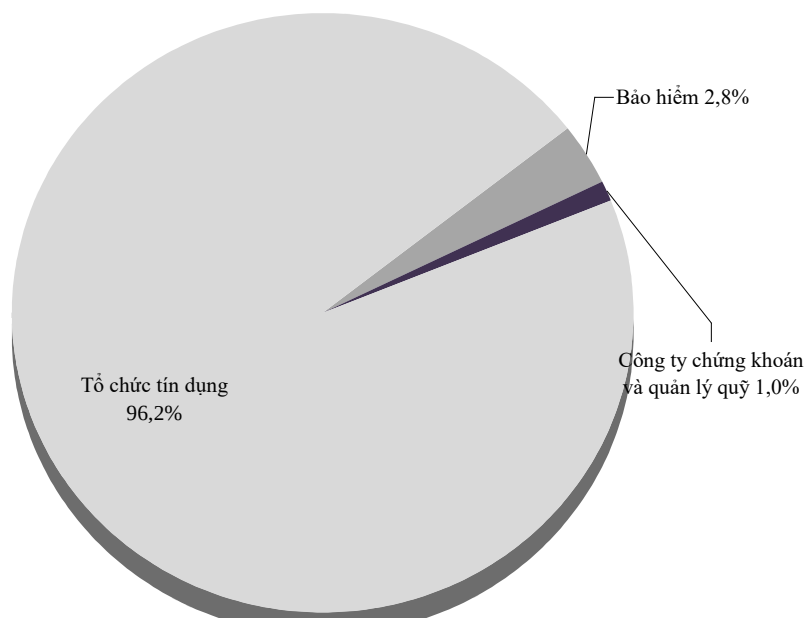
Hoạt động của khu vực tài chính Việt Nam tiếp tục phát triển an toàn với mức đủ vốn bình quân của hệ thống cao hơn mức chuẩn an toàn theo quy định. Nợ xấu được xử lý tích cực giúp giảm chi phí dự phòng rủi ro của các TCTD và đà tăng của nợ xấu chậm lại qua các năm, góp phần gia tăng khả năng sinh lời của hệ thống TCTD. Tuy nhiên, trong hệ thống vẫn còn một số định chế tài chính có mức đủ vốn thấp hơn chuẩn an toàn mặc dù quy mô tài sản và hoạt động của các định chế này nhỏ. Dầu vậy, khả năng sinh lời của hệ thống tài chính được cải thiện: tỉ suất sinh lời trên tổng tài sản

(ROA) bình quân đạt 0,58% năm 2016, năm 2015 đạt 0,49%; tỉ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân đạt 7,57% năm 2016, năm 2017 đạt 5,98%, tăng 43,1% so với cùng kỳ năm 2015.

2.3. Một số tồn tại, thách thức của hệ thống tài chính Việt Nam

Hệ thống tài chính Việt Nam vẫn còn những tồn tại khiến cho việc cung vốn vào nền kinh tế chưa được thông suốt và chất lượng, hiệu quả chưa cao.

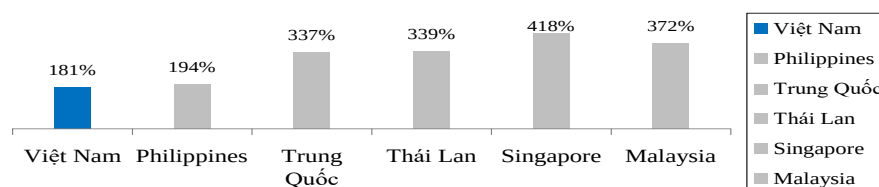
Hiện tại, vốn cung ứng từ hệ thống tài chính cho nền kinh tế, phụ thuộc chủ yếu vào hệ thống ngân hàng. Tổng cung ứng vốn bình quân từ khu vực ngân hàng chiếm tới 85% tổng cung ứng vốn của khu vực tài chính trong giai đoạn 2012-2016. Hệ thống các tổ chức tín dụng chiếm tới 96,2% tổng tài sản toàn hệ thống tài chính (Hình 1).



Hình 1: Cơ cấu tài sản hệ thống tài chính Việt Nam năm 2016 [4]

Năm 2016, tín dụng từ khu vực ngân hàng vẫn đóng góp chính cho khu vực kinh tế thực khi chỉ số tín dụng/GDP đạt mức 123%. Mức mở rộng cung tiền đạt xấp xỉ 1,6 lần GDP. Vốn cung ứng từ thị trường chứng khoán còn khiêm tốn so với tiềm năng và các nước trong khu vực. Cho vay của ngân hàng chiếm hơn 60% tổng cung ứng vốn cho nền kinh tế, cao hơn các nước

trong khu vực với tỷ trọng bình quân dưới 50%. Tuy nhiên, năng lực cung ứng vốn và qui mô của hệ thống tài chính Việt Nam còn nhỏ hơn so với các nước trong khu vực. Độ sâu tài chính của hệ thống tài chính Việt Nam chỉ đạt 181% GDP, thấp hơn nhiều so với số bình quân của nhóm 5 quốc gia hàng đầu ASEAN (318% GDP) (Hình 2).

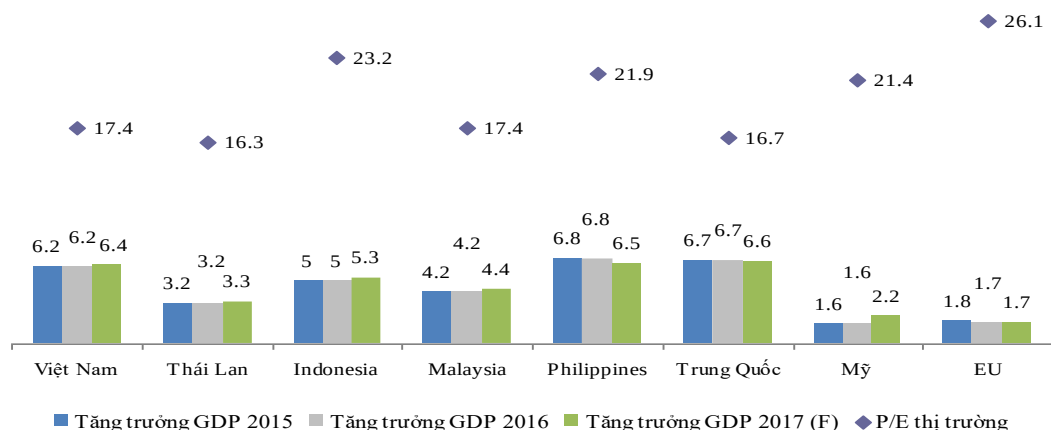


Hình 2: Độ sâu tài chính so với các nước trong khu vực (% GDP) năm 2016 [6], [7]

Đối với thị trường chứng khoán, mặc dù khả năng thu hút vốn nước ngoài tăng dần song vốn cung ứng từ khu vực này còn khiêm tốn so với tiềm năng và so với các nước trong khu vực. Tổng giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu ước tăng từ 43,2% GDP trong năm 2016 lên khoảng 52,5% GDP trong năm 2017. Chỉ số giá trên thu nhập cổ phiếu (P/E) bình quân thị trường Việt Nam không cao so với các thị trường chứng khoán khu vực và quốc tế, trong khi mức tăng trưởng GDP của Việt Nam cao hơn phần lớn các nước trong khu vực và quốc tế (Hình 3). Khả năng thu hút dòng vốn nước ngoài của thị trường chứng khoán ngày càng tích cực. Thị trường chứng khoán ít nhận được phân bổ vốn từ các quỹ đầu tư lớn trên toàn cầu do Việt Nam chỉ được coi là thị trường chứng khoán cận biên, chưa đáp ứng hoàn toàn các tiêu chí xếp hạng thị trường chứng khoán mới nổi của MSCI; mức độ đa dạng hóa sản phẩm trên thị trường chưa cao. Thị trường trái phiếu

doanh nghiệp kém phát triển làm hạn chế khả năng huy động vốn của doanh nghiệp, đồng thời dẫn đến sự chậm ra đời của thị trường mua bán nợ.

Đối với hệ thống ngân hàng, việc xử lý nợ xấu và các ngân hàng yếu kém còn chậm, nhất là các ngân hàng thương mại mua lại giá 0 đồng và ngân hàng bị kiểm soát đặc biệt. Đây có thể xem là “điểm nghẽn” của hệ thống tài chính - huyết mạch của nền kinh tế; nếu không xử lý triệt để thì sẽ không thể giảm được mặt bằng lãi suất, giảm chi phí vốn của nền kinh tế cũng như ổn định kinh tế vĩ mô bền vững. Kể từ năm 2012 đến hết 2015, toàn hệ thống TCTD mới xử lý xấp xỉ 500 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Trong đó, các TCTD tự xử lý chiếm phần nhiều (trên 55%), còn lại là bán nợ cho Công ty quản lý tài sản Việt Nam (VAMC) và các tổ chức cá nhân khác. Nợ xấu còn tồn đọng tại VAMC chưa xử lý khoảng 180 nghìn tỷ đồng.



Hình 3: So sánh tương quan giữa P/E thị trường và tăng trưởng GDP [5]

Nhìn chung, so với các nước trong khu vực, qui mô hệ thống tài chính Việt Nam vẫn còn ở mức khiêm tốn; năng lực cung ứng vốn còn hạn chế, đặc biệt còn phụ thuộc nhiều vào khu vực ngân hàng. Trong khi đó, thị trường chứng khoán Việt Nam chưa hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài so với tiềm năng. Một số vấn đề tồn tại nổi bật của hệ thống tài chính là: nợ xấu vẫn chưa được giải quyết triệt để, tập trung ở một số TCTD yếu kém; mặt bằng lãi suất cho vay vẫn chưa giảm được như mong đợi bất chấp sự hỗ trợ tích cực từ các yếu tố vĩ mô. Đó chính là những tồn tại nổi bật của hệ thống tài chính Việt Nam giai đoạn trước 2016.

Tuy nhiên, cần phải nhìn nhận rằng, vai trò quan trọng, chủ chốt của hệ thống tài chính đối với tăng trưởng kinh tế là không thể phủ nhận trong các giai đoạn trước 2016 và cả giai đoạn 2018-2020. Tỷ trọng vốn đóng góp vào tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2015 đạt 54%. Trong giai đoạn mới, để đạt được kế hoạch đề ra, đòi hỏi tăng trưởng kinh tế giai đoạn này phải ở mức

cao hơn. Theo đó, hệ thống tài chính, một mặt cần đẩy mạnh tái cơ cấu để khắc phục những nhược điểm nói trên; mặt khác, cần phải phát triển tương ứng, theo chiều sâu hơn, theo hướng hiện đại hơn để hỗ trợ tích cực tăng trưởng kinh tế ở mức cao hơn.

3. Tăng trưởng kinh tế cao và yêu cầu cấu trúc lại thị trường tài chính hiện đại, hài hòa

3.1. Những điều kiện cần để nền kinh tế tăng trưởng cao và bền vững

Việt Nam cần phải đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao cho giai đoạn 2018-2020, bởi lẽ, nếu đơn thuần nhìn vào con số tăng trưởng thì đây là tốc độ tăng khá cao, nhưng nếu nhìn vào con số tuyệt đối thì với mức tăng này, GDP của Việt Nam vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Bối cảnh kinh tế thế giới trong giai đoạn này với nhiều biến động khó lường (như các chính sách

mới của Tổng thống Donald J.Trump, lộ trình tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ và các tác động từ việc Anh rời Liên minh Châu Âu) sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động thương mại và đầu tư, cũng như tới lãi suất và tỷ giá của thị trường các nước mới nổi Châu Á, trong đó có Việt Nam. Do đó, đạt được tốc độ tăng trưởng của giai đoạn nói trên là một thách thức không nhỏ.

Tuy nhiên, nếu nhìn vào con số tuyệt đối của tăng trưởng, Việt Nam còn ở mức khá khiêm tốn so với nước bạn. Thực tế, chúng ta mới chỉ thoát ra khỏi ngưỡng “thu nhập thấp” và bước vào các quốc gia “thu nhập trung bình”. Do đó, để bắt kịp với các nước trong khu vực và thế giới, chúng ta tiếp tục phải đi nhanh hơn nữa. Trong bối cảnh thế giới chuyển biến mạnh mẽ, nhất là cuộc cách mạng công nghệ 4.0 diễn ra trên phạm vi toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam lại càng phải tăng tốc để có thể bắt kịp và tận dụng đòn bẩy công nghệ vô cùng lớn lao này. Chỉ có vậy, Việt Nam mới có thể nhanh chóng thu hẹp khoảng cách với các nước đang phát triển trong khu vực.

Chất lượng tăng trưởng của Việt Nam chưa cao khi còn phụ thuộc vào tích lũy và gia tăng các yếu tố đầu vào mà không phải tăng năng suất lao động; động lực tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào khu vực kinh tế đối ngoại mà chưa thấy rõ vai trò chủ lực của khu vực tư nhân. Các yếu tố đe dọa ổn định vĩ mô trong nước (như thâm hụt ngân sách và nợ công) dồn tích từ nhiều năm nay chưa xử lý triệt để hoặc chậm cải thiện (nợ xấu, quá trình tái cơ cấu nền kinh tế) trong khi dư địa chính sách vĩ mô hạn hẹp dần. Mô hình tăng trưởng chưa hiệu quả, bất ổn vĩ mô dồn tích thực sự là những lực cản đang kìm hãm tốc độ tăng trưởng và bứt phá của nền kinh tế Việt Nam.

Thực tế, chúng ta đã đi hết chặng đường năm 2016 và nửa đầu năm 2017 với kết quả chưa được như mong đợi. Tăng trưởng kinh tế năm 2016 chỉ đạt mức 6,21% chủ yếu do sự suy giảm đóng góp của các ngành như khai khoáng và nông nghiệp trước việc giá dầu quốc tế giảm mạnh và thiên tai hạn hán trong nước. Năm 2017 việc đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% thách thức bội phần khi tăng trưởng quý I thấp hơn cùng kỳ năm 2016.

Để đạt được tăng trưởng cao và bền vững giai đoạn 2018-2020, trước hết, chúng ta cần tập trung phải giải quyết các vấn đề tồn tại của giai đoạn trước đã nêu ở trên. Theo tôi, các điều kiện vĩ mô tiên quyết để thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng cao và bền vững, đó là:

Thứ nhất, quyết liệt thực hiện đổi mới tăng trưởng để nâng cao năng suất lao động của nền kinh tế, tạo đột phá tăng trưởng.

Giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc vào các yếu tố về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học và công nghệ, lao động có kỹ năng. Số liệu thống kê cho thấy việc gia tăng đầu vào đóng góp khoảng 71% vào tăng trưởng kinh tế. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) (gồm vốn con người, công nghệ, hiệu quả quản lý của Nhà nước) chỉ đóng góp khoảng 29% tăng trưởng của nền kinh tế. Riêng trong khu vực ASEAN, năm 2016, năng suất lao động của Việt Nam đã thua Lào, chỉ còn hơn Myanmar và Campuchia. Đây thực sự là tình trạng hết sức quan ngại về năng suất lao động của nền kinh tế. Do đó, giai đoạn 2016-2020, cần phải đẩy mạnh và quyết liệt hơn tái cơ cấu nền kinh tế một cách thực chất, thực hiện thành công chuyển đổi mô

hình tăng trưởng dựa trên năng suất hướng đến tích lũy tri thức, công nghệ thay vì chỉ chú trọng quy mô tăng trưởng. Cụ thể, theo Nghị quyết số 24/2016/QH14 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 thì mục tiêu tăng TFP giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 30-35% và dần thu hẹp khoảng cách năng lực cạnh tranh quốc gia với nhóm ASEAN-4.

Bên cạnh đó, cần chú trọng phát triển động lực tăng trưởng kinh tế khu vực doanh nghiệp trong nước. Trong giai đoạn vừa qua, chúng ta cũng đã có những kết quả ban đầu để tạo động lực, giúp khu vực doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ. Đó là kết quả những chính sách ban hành để tạo lập hạ tầng, thể chế tốt, môi trường kinh doanh tốt hơn, khơi dậy làn sóng đầu tư thứ hai trong nước - làn sóng khởi nghiệp. Trong đó phải kể đến hiệu ứng từ các Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp sửa đổi; các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết; của các chính sách cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích khởi tạo doanh nghiệp trong năm 2016 (như Nghị quyết 19, 35 của Chính phủ, đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”...). Giai đoạn 2016-2020, chúng ta cần phải nỗ lực hơn nữa để cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh của Việt Nam ngang tầm khu vực, năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam cần được tăng lên rõ rệt.

Thứ hai, tiếp tục củng cố ổn định kinh tế vĩ mô, quyết liệt hơn trong thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế nhằm củng cố tài khóa, xử lý dứt điểm những yếu tố đe dọa bất ổn vĩ mô như nợ xấu, xử lý các ngân hàng yếu kém.

Trước hết là, các vấn đề nợ công và ngân sách. Tỷ lệ nợ công hiện ở mức cao và tiệm

cận mức trần 65% GDP, áp lực trả nợ lớn. Tất cả các chỉ số nợ công của Việt Nam, bao gồm cả tỷ lệ nợ công trên GDP, thu ngân sách, tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ trên GDP... đều đã ở ngưỡng sát hoặc vượt quá ngưỡng an toàn. Ví dụ, tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ trên doanh thu Chính phủ đã đạt 27,4% trong năm 2015, vượt quá giới hạn cho phép chỉ ở mức 25%. Bên cạnh đó, nợ đọng thuế còn lớn; giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ đạt thấp so với kế hoạch, làm giảm hiệu ứng lan tỏa của chính sách công đến các khu vực kinh tế khác. Một số dự án sử dụng vốn đầu tư công hiệu quả thấp; nợ đọng xây dựng cơ bản lớn. Quản lý sử dụng tài sản công, chi tiêu công còn lãng phí.

Thêm vào đó, vấn đề tái cơ cấu diễn ra chậm và chưa thực chất cũng là một trong những lực cản lớn của tăng trưởng kinh tế. Tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn đầu tư ngoài ngành chưa đạt kế hoạch. Số lượng doanh nghiệp được cổ phần hóa lớn nhưng tỷ lệ vốn bán ra đạt thấp. Một số doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, nhiều dự án đầu tư lớn của các tập đoàn, tổng công ty chậm tiến độ, thua lỗ, lãng phí, phải dừng đầu tư.

Thứ ba, cung ứng vốn từ một hệ thống tài chính hiện đại hóa cần tiếp tục giữ vai trò chủ chốt trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tiếp tục vai trò đòn bẩy hỗ trợ tăng trưởng ở mức cao.

Chúng ta đều biết, vốn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được xem như là huyết mạch của nền kinh tế. Trong giai đoạn 2011-2015, yếu tố vốn đóng góp trên 54% vào tăng trưởng GDP. Trong giai đoạn 2016-2020, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất định, sự phục hồi nhu cầu thế

giới còn chậm chạp, trong khi kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, cung ứng vốn từ hệ thống tài chính sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế. Nhưng thay vì phát triển theo chiều rộng, cần phải chú trọng phát triển hệ thống tài chính theo chiều sâu, hiện đại hơn, giúp cung ứng vốn hiệu quả hơn cho nền kinh tế.

3.2. Cấu trúc lại thị trường tài chính hiện đại, hài hòa

Một là, chính sách tiền tệ. Chính sách tiền tệ cần được điều hành linh hoạt hơn nữa, mở rộng cung tiền một cách hợp lý để hỗ trợ tăng trưởng. Bên cạnh đó, cần tạo lập hệ thống cơ sở hạ tầng tài chính để xử lý nợ xấu của khu vực ngân hàng. Từ đó, tăng khả năng cung cấp tín dụng ra nền kinh tế thực và giảm lãi suất cho vay, giảm chi phí vốn của nền kinh tế. Ngoài ra, chú trọng hướng dòng vốn tín dụng vào khu vực sản xuất kinh doanh trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp trong những ngành, lĩnh vực hiệu quả, năng suất, công nghệ cao - động lực chính của tăng trưởng trong giai đoạn tới.

Hai là, phát triển thị trường vốn. Phát triển thị trường vốn để tăng cường cung ứng vốn trung dài hạn cho nền kinh tế, giảm áp lực cung ứng vốn và rủi ro kỳ hạn cho hệ thống tổ chức tín dụng. Duy trì ổn định kinh tế vĩ mô để thu hút vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài; tích cực đáp ứng các tiêu chí xếp hạng thị trường chứng khoán của MSCI để sớm được nâng hạng lên thị trường mới nổi, đặc biệt các tiêu chí về mức độ tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, tăng cường tự do hóa tài khoản vốn. Nhanh

chóng tăng quy mô và thanh khoản thị trường vốn, đạt mục tiêu vốn hóa thị trường 70% GDP vào năm 2020. Đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phát triển hệ thống nhà đầu tư tổ chức như quỹ hưu trí bắt buộc, quỹ hưu trí bổ sung, quỹ mạo hiểm, quỹ vốn cổ phần tư nhân, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

Ba là, xây dựng một nền tài chính hiện đại. Triển khai áp dụng các công cụ tài chính hiện đại nhằm bổ sung các công cụ phòng ngừa rủi ro trước bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng. Đó là việc đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ tài chính mới (như các sản phẩm phái sinh; hợp đồng tương lai/quyền chọn đối với các chỉ số, cổ phiếu, trái phiếu và các tài sản khác; cổ phiếu không có quyền biểu quyết; trái phiếu Chính phủ, lãi suất thả nổi gắn với lạm phát).

4. Kết luận

Nhìn chung, để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2016-2020 trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế không nhiều thuận lợi, đòi hỏi phải kèm theo nhiều giải pháp từ phía Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân.

Về phía kinh tế vĩ mô, điều kiện cần đầu tiên là phải đổi mới thành công mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao năng suất lao động nền kinh tế, tạo đột phá tăng trưởng trong các năm tiếp theo. Đi đôi với việc tăng trưởng kinh tế cao, cần tiếp tục củng cố ổn định vĩ mô, quyết liệt hơn trong thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế nhằm củng cố tài

khóa, xử lý dứt điểm những yếu tố đe dọa bất ổn vĩ mô như nợ xấu, xử lý các ngân hàng yếu kém.

Về phía hệ thống tài chính, cần chú trọng đến độ sâu tài chính hơn là phát triển tài chính theo chiều rộng như giai đoạn trước đây. Do đó, một nền tài chính hiện đại sẽ đóng vai trò chủ chốt hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức cao, không những thúc đẩy việc luân chuyển dòng vốn thông suốt trong khu vực kinh tế thực mà còn phải đảm bảo việc phân bổ hiệu quả nguồn lực tới các ngành ưu tiên, chú trọng phát triển. Theo đó, việc cấu trúc lại một thị trường tài chính hiện đại và hài hòa giữa thị trường tài tiền tệ và thị trường vốn càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Dẫu rằng còn nhiều việc phải làm cũng như không ít những khó khăn, thách thức đang ở phía trước nhưng nếu không quyết liệt giải quyết tồn tại lớn của nền kinh tế ngay bây giờ, nếu không chọn con đường tăng trưởng cao và bền vững ngay trong giai đoạn này, Việt Nam sẽ cần rất nhiều năm nữa để tiến ra biển lớn sánh với các nước trong khu vực.

Chú thích

² Xếp hạng môi trường đầu tư và kinh doanh của Việt Nam đứng thứ 82/190 quốc gia theo Ngân hàng thế giới và đứng thứ 56/140 theo Diễn đàn kinh tế thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2016), *Nghị quyết số 142/2016/QH13 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020*, Hà Nội.
- [2] Quốc hội (2016), *Nghị quyết số 24/2016/QH14 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.
- [3] Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (2016), *Báo cáo tổng quan thị trường tài chính năm 2016*, Hà Nội.
- [4] Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (2016), *Báo cáo tình hình kinh tế năm 2016*, Hà Nội.
- [5] <http://www.bloomberg.com>
- [6] <http://data.worldbank.org>
- [7] <http://www.imf.org/en/Data>